TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2017/DS-ST
Ngày: 04 - 8 - 2017
V/v "tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thật.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Thị Khắp.

2. Ông Võ Thành Trung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Văn Duẩn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thiện - Kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 46/2017/TLST-DS ngày 20/4/2017 về việc "Tranh chấp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp Ông Quới, xã Thạnh Phước, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà T1: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga, sinh năm 1954; Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1977; Cùng địa chỉ: Ấp T2, xã T3, huyện T, tỉnh Long An.

(Bà Nga có mặt; bà N và ông S vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1: Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị T1 xác định bà T1 phải choàng hụi cho bà N và ông S số tiền là 20.500.000 đồng nên bà T1 khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu S và bà Nguyễn Thị N phải liên đới trả cho bà T1 số tiền nợ hụi là 20.500.000đồng đối với các kỳ hụi đến hạn của 04 dây hụi nhưng chưa được Tòa án giải quyết, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Bà T1 chỉ yêu cầu trả nợ gốc, không yêu cầu tính lãi.

Đề nghị của ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị N:

Trong lời trình bày tại bản tự khai ngày 04/7/2017, bà Nguyễn Thị N thừa nhận có tham gia 04 dây hụi do bà Nguyễn Thị T1 làm chủ hụi và thiếu số tiền 20.500.000đ. Nay bà N đề nghị được trả số tiền trên cho bà T1 mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hết nợ.

Ông Nguyễn Hữu S đã được Tòa án huyện T triệu tập hợp lệ đúng quy định của pháp luật nhưng ông S vắng mặt không có lý do và không có ý kiến hay văn bản đề nghị.

Các tình tiết của vụ án:

Những nội dung các đương sự thống nhất được:

Bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị N thống nhất: Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Hữu S có tham gia 4 dây hụi do bà T1 làm chủ hụi về thời gian, số tiền đúng, cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: Hụi khui ngày 15/11/2014 âm lịch, mỗi tháng khui một lần, gồm 27 phần, mỗi phần hụi 500.000 đồng, gồm 27 phần. Ông S và bà N tham gia hai phần, bỏ thăm và hốt một phần hụi ở kỳ thứ hai (ngày 15/12/2014 âm lịch) được số tiền 8.800.000 đồng. Sau khi hốt hụi ông S và bà N đóng hụi chết đến kỳ thứ 10 thì ngưng không đóng nữa. Bà T1 phải choàng hụi cho bà N, ông S và đã khởi kiện từ kỳ 11 đến kỳ 24, hụi đến nay đã mãn. Nay bà T1 tiếp tục khởi kiện ông S và bà N đối với dây hụi này từ kỳ 25 đến kỳ 27 là 03 kỳ với số tiền 1.500.000 đồng.

Dây thứ hai: Hụi khui ngày 04/7/2017 âm lịch, mỗi tháng khui một lần, gồm 22 phần, mỗi phần hụi 1.000.000 đồng. Ông S và bà N tham gia 01 phần, bỏ thăm và hốt hụi ở kỳ thứ ba (ngày 04/9/2015 âm lịch) được 14.770.000 đồng. Sau khi hốt hụi ông S và bà N đóng hụi chết đến kỳ thứ 3 thì ngưng không đóng nữa. Bà T1 phải choàng hụi cho ông S, bà N và đã khởi kiện từ kỳ thứ 4 đến kỳ thứ 15, hụi đến nay đã mãn. Nay bà T1 tiếp tục khởi kiện ông S và bà N đối với dây hụi này từ kỳ thứ 16 đến kỳ thứ 22 là 07 kỳ với số tiền là 7.000.000 đồng.

Dây thứ ba: Hụi khui ngày 04/8/2015 âm lịch, mỗi tháng khui một lần, gồm 15 phần, mỗi phần hụi 3.000.000 đồng. Ông S và bà N tham gia một phần, bỏ thăm và hốt hụi ở kỳ thứ nhất được số tiền 28.350.000 đồng. Sau khi hốt hụi ông S và bà N đóng hụi chết đến kỳ thứ 2 (ngày 04/9/2015 âm lịch) thì ngưng không đóng nữa. Bà T1 đã choàng hụi chết cho ông S, bà N và đã khởi kiện từ kỳ thứ 3 đến kỳ thứ 13, hụi đến nay đã mãn. Nay bà T1 tiếp tục khởi kiện ông S

và bà N đối với dây hụi này từ kỳ thứ 14 (ngày 04/10/2016 âm lịch) và kỳ thứ 15 (ngày 04/11/2016 âm lịch) là 02 kỳ với số tiền là 6.000.000 đồng.

Dây thứ tư: Hụi khui ngày 15/8/2014 âm lịch, hụi ba tháng khui một lần, gồm 17 phần, mỗi phần 3.000.000 đồng. Ông S và bà N tham gia một phần, bỏ thăm và hốt hụi ở kỳ thứ 03 được số tiền 24.300.000 đồng. Sau khi hốt hụi, ông S và bà N đóng hụi chết đến kỳ thứ 05 thì ngưng không đóng nữa. Bà T1 phải choàng hụi chết cho ông S và bà Nương và đã khởi kiện từ kỳ thứ 06 đến kỳ 09, Hụi mãn ngày 15/7/2018 âm lịch. Nay bà T1 tiếp tục khởi kiện ông S và bà N đối với dây hụi này từ kỳ hụi thứ 10 và kỳ hụi thứ 11 là hai kỳ này với số tiền là 6.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bà T1 choàng hụi cho bà N đối với các kỳ hụi đến hạn của 04 dây hụi nhưng chưa được Tòa án giải quyết là 20.500.000 đồng.

Các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp như tại biên bản phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện T.

Những nội dung các đương sự không thống nhất được: Bà T1 yêu cầu bà N và ông S liên đới trả số tiền nợ 20.500.00 đồng một lần ngày sau khi án có hiệu lực pháp luật. Bà N xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ông S vắng mặt nên không trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết tiền án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là "hụi" được quy định tại Bộ luật dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt Nguyễn Hữu S và bà Nguyễn Thị N: Ông S và bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông S, bà N.

[3] Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Hữu S trả 20.500.000 đồng tiền hụi, không yêu cầu tính lãi của các kỳ hụi đối với 4 dây hụi mà bị đơn đã tham gia làm hụi viên. Bị đơn bà Nguyễn Thị N thừa nhận còn nợ hụi của bà T1 các kỳ hụi đến hạn số tiền 20.500.000 đồng. Xét thấy các đương sự thống nhất được với nhau về số tiền nợ hụi là 20.500.000đ của 04 dây hụi đối với các kỳ hụi chưa được giải quyết là phù hợp với bản án số 47/2017/DS-ST ngày 25/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện T và bản án số 77/2017/DS-ST ngày 03/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Bị đơn ông Nguyễn Hữu S không có ý kiến hay văn bản nào phản đối yêu cầu của bà T1 nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của bà T1 có cơ sở chấp nhận.

Về trách nhiệm trả nợ, bà T1 yêu cầu bà N và ông S có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 20.500.000 đồng. Bà N đồng ý cùng ông S liên đới trả nợ cho bà T1 vì bà N và ông S là vợ chồng hợp pháp, số tiền bà N hốt hụi được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên đây là khoản nợ chung của bà N và ông S. Do đó, ông S phải có trách nhiệm cùng bà N liên đới trả nợ chung.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1 đối với bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Hữu S về tranh chấp hụi. Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Hữu S có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền 20.500.000 đồng.

[4] Về thời gian trả và cách thức trả: Bà N xin trả dần mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hoàn tất số nợ vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nhưng không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý. Do các đương sự không thỏa thuận được thời gian và cách thức trả và vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật, do đó Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Hữu S và bà Nguyễn Thị N phải liên đới chịu số tiền 1.025.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước. Bà Nguyễn Thị T1 không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 471, 288, 357 và 468 của Bộ luật dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1 đối với bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Hữu S về tranh chấp hụi. Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Hữu S có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền 20.500.000 đồng (hai mươi triệu năm trăm ngàn đồng).

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Hữu S chậm trả thì bà N và ông S còn phải liên đới trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Hữu S phải liên đới chịu số tiền 1.025.000 đồng (một triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Bà Nguyễn Thị T1 không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà T1 số tiền 513.000đ (năm trăm mười ba ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà T1 đã nộp theo biên lai thu số 0003991 ngày 20 tháng 4 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

3. Về kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thật

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Khắp – Võ Thành Trung **Nguyễn Thị Thật**